TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 15/8/2024.
"V/v tranh chấp xin ly hôn ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Bé Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Danh On

Ông Lê Thị Tuyết Trinh

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Kim Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 88/2024/TLST–HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST–HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp N, xã NQ, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị S, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp N, xã NQ, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông Trần Văn T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Ngô Thị S vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1988, ông T và bà S có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng ông bà chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng ông bà thường xuyên cự cải, hôn nhân không

hạnh phúc và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Nay ông Trần Văn T nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Ngô Thị S.

Về quan hệ con chung: Ông T xác định trong quá trình chung sống, giữa ông và bà S có 02 người con chung tên Trần Văn H, sinh năm 1989 và Trần Văn H, sinh năm 1997. Hiện nay các con của ông T đã trưởng thành nên ông không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Ông Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông T không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn bà Ngô Thị S: Tòa án có tiến hành giao thông báo thụ lý và tiến hành lấy lời khai đối với bà S nhưng bà S không có mặt ở địa phương nên không thể tiến hành giao thông báo thụ lý và không thể tiến hành lấy lời khai đối với bà S được. Do đó, Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục theo quy định pháp luật cho bà S. Chính quyền địa phương xác định: Bà Ngô Thị S vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã NQ, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu và hiện tại không có ở địa phương nhưng lâu lâu bà S có về địa phương một vài lần.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Văn T và bà Ngô Thị S là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Ông Trần Văn T xác định các con của ông và bà S đã trưởng thành nên không yêu cầu, do đó không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản: Ông Trần Văn T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Ngô Thị S nên căn cứ khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về "Tranh chấp xin ly hôn" là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Ngô Thị S có nơi đăng ký thường trú tại ấp N, xã NQ, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn ông Trần Văn T tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Trần Văn T. Bị đơn bà Ngô Thị S vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Ngô Thị S.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T yêu cầu xin ly hôn với bà Ngô Thị S, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T thừa nhận vào năm 1988, ông có tổ chức đám cưới với bà S trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay ông, bà chưa có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu thì giữa ông T và bà S chung sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cự cải và hiện tại hai vợ chồng đã ly thân với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu xin ly hôn với bà S. Tuy nhiên, theo Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng".* Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận ông Trần Văn T và bà Ngô Thị S là vợ chồng.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Trần Văn T xác định các con của ông và bà S đã trưởng thành nên không yêu cầu, do đó không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản: Ông Trần Văn T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc ông Trần Văn T phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Văn T và bà Ngô Thị S là vợ chồng.

2/ Về quan hệ con chung: Ông Trần Văn T xác định các con của ông và bà S đã trưởng thành nên không yêu cầu, do đó không đặt ra xem xét, giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Ông Trần Văn T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Văn T phải nộp số tiền là 300.000 đồng, do ông T đã dự nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0007598 ngày 04/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Bé Nhi